

Số: **801**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **09** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông kèm theo Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 năm 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 25/TTr-SKHCN ngày 02 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Bổ sung khoản 4, 5, 6, 7 vào Điều 2 như sau:

“4. Giải pháp đối chứng: Trùng hoặc tương tự gần nhất với giải pháp nêu trong đơn yêu cầu sáng kiến.

5. Tài liệu đối chứng: Là tài liệu đã mô tả giải pháp đối chứng hoặc chứng cứ chứng minh giải pháp đối chứng đã được bộc lộ công khai.

6. Áp dụng sáng kiến lần đầu: Là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên kể cả áp dụng thử.”

2. Bổ sung khoản 3 vào Điều 3 như sau:

“3. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến

a) Cách xác định tác giả và đồng tác giả sáng kiến

- Tác giả sáng kiến, đồng tác giả sáng kiến đứng nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải là những người trực tiếp hoặc cùng nhau tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình;

- Những người chỉ tham gia hỗ trợ, giúp việc, hỗ trợ kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả trong quá trình tạo ra sáng kiến và áp dụng sáng kiến thì không được coi là đồng tác giả sáng kiến (ví dụ: tính toán, làm thí nghiệm, mô hình, mẫu thử, vẽ kỹ thuật, gia công, chế tạo chi tiết, tìm thông tin tư liệu, đánh máy);

- Trường hợp sáng kiến đã được tham gia các cuộc thi, hội thi, hội diễn và đã được ban tổ chức cấp giấy chứng nhận đoạt giải hoặc giấy chứng nhận dự thi trong đó ghi rõ thông tin về tác giả, đồng tác giả chỉ xem xét ghi nhận những người này là tác giả, đồng tác giả sáng kiến.

b) Trong trường hợp sáng kiến có đồng tác giả và số lượng đồng tác giả vượt quá 03 người thì các đồng tác giả phải có bản giải trình nêu rõ nội dung công việc từng người tham gia tạo ra sáng kiến nộp kèm theo đơn yêu cầu công nhận sáng kiến. Báo cáo giải trình của đồng tác giả có thể làm theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Trường hợp sáng kiến có đồng tác giả nhưng có một hoặc một số đồng tác giả không đồng ý nộp yêu cầu công nhận sáng kiến thì áp dụng phương pháp tách đơn.

d) Cơ sở tiếp nhận đơn phải có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, xác minh những người khai nhận là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến; trường hợp kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy đủ cơ sở kết luận những người nộp đơn không đúng đối tượng là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến thì cơ sở có quyền từ chối chấp nhận đơn.”

3. Bổ sung khoản 3 vào Điều 4 như sau:

“3. Đánh giá đối tượng nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

a) Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

b) Để đánh giá tính mới của giải pháp nêu trong đơn, trước hết phải tiến hành tra cứu ở các nguồn thông tin sau đây:

- Tất cả các hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến đã được cơ sở tiếp nhận và có ngày nộp đơn sớm hơn.

- Các văn bản, sách, tác phẩm báo chí, tài liệu kỹ thuật, tài liệu phục vụ cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, các báo cáo khoa học, báo cáo kết quả của các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tài liệu khác thuộc cùng lĩnh vực áp dụng sáng kiến đã được công bố trước thời điểm tác giả nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai trong phạm vi cơ sở.



c) Mục đích của việc tra cứu thông tin theo quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều này là tìm giải pháp có bản chất tương tự hoặc trùng lặp với giải pháp nêu trong đơn, trong đó:

- Hai giải pháp được coi là trùng nhau khi có tất cả các dấu hiệu hoặc đặc điểm cơ bản trùng nhau có bản chất tương tự nhau hoặc tương đương, có thể thay thế được cho nhau.

- Hai giải pháp được coi là tương tự nhau khi có phần lớn các dấu hiệu hoặc đặc điểm cơ bản trùng nhau hoặc tương đương, có thể thay thế được cho nhau.

d) Khi tiến hành tra cứu theo quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều này phải tiến hành so sánh các dấu hiệu hoặc đặc điểm cơ bản của giải pháp nêu trong đơn với các dấu hiệu của giải pháp đối chứng được tìm thấy trong quá trình tra cứu thông tin, trong đó:

- Dấu hiệu cơ bản của giải pháp có thể là đặc điểm về chức năng, công dụng, cấu tạo, liên kết, thành phần cùng với các dấu hiệu cơ bản khác tạo thành một tập hợp cần và đủ để xác định bản chất, nội dung của đối tượng;

- Các dấu hiệu cơ bản của giải pháp nêu trong các tài liệu khác được thể hiện và phát triển theo tài liệu mô tả hoặc dạng thể hiện thực tế của giải pháp đó.

e) Kết luận về tính mới của giải pháp nêu trong đơn:

- Giải pháp nêu trong đơn được coi là có tính mới nếu không tìm thấy giải pháp đối chứng trong quá trình tra cứu thông tin hoặc có tìm thấy giải pháp đối chứng những giải pháp nêu trong đơn có ít nhất một dấu hiệu cơ bản không có mặt trong giải pháp đối chứng và dấu hiệu đó được gọi là dấu hiệu cơ bản khác biệt;

- Giải pháp nêu trong đơn được coi là không có tính mới nếu tìm thấy giải pháp có bản chất tương tự hoặc trùng lặp với giải pháp đó theo quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều này và phải thống kê được các giải pháp đối chứng tìm thấy, chỉ rõ các dấu hiệu trùng nhau, tên tài liệu đối chứng, số trang, số dòng, nguồn gốc tài liệu và ngày công bố của tài liệu tương ứng.

f) Trường hợp cần thiết phải tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để đánh giá sáng kiến theo điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, cơ sở có thể tra cứu từ cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ công nghiệp có tại Cục Sở hữu trí tuệ và các nguồn thông tin khác do Cục Sở hữu trí tuệ quy định, có thể tham khảo trên Trang thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ tại địa chỉ: <http://www.noip.gov.vn> hoặc có thể thông qua đơn vị có chức năng tư vấn về sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để hỗ trợ tra cứu về thông tin này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi điểm f khoản 1 Điều 5:

“f) Là chủ nhiệm, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học, thành viên khác trong ban chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, Bộ,

tính đã được nghiệm thu xếp loại “Xuất sắc”. Đối với thành viên khác trong ban chủ nhiệm nhiệm vụ thì phải có thời gian làm việc cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ ít nhất đạt 2/3 tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”

b) Bổ sung khoản 3 vào Điều 5:

“3. Thời hiệu công nhận đặc cách sáng kiến cấp tỉnh tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 5 là hai năm tính từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định công nhận và trao giải; tại điểm f khoản 1 Điều 5 là ba năm tính từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, Bộ, tỉnh.”

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung quy định tại Điều 8; khoản 1 Điều 14; Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan trách nhiệm thi hành Quyết định này *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Cục SHTT (Bộ KH&CN);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ chức Chính trị - Xã hội;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX^(Vn).

15

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thị Ngọc Hạnh
Tôn Thị Ngọc Hạnh

Độc lập
Tự do

Phụ lục
MẪU BÁO CÁO GIẢI TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC
THAM GIA TẠO RA SÁNG KIẾN
(Kèm theo Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Giải trình nội dung công việc tham gia tạo ra sáng kiến
(Kèm theo Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến nộp ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:¹

Chúng tôi ghi tên dưới đây cùng xác nhận là đồng tác giả của sáng kiến:.....² và báo cáo giải trình cụ thể nội dung công việc tham gia tạo ra sáng kiến như sau:

1. Đồng tác giả thứ nhất³:

- Họ và tên:
- Giới tính: Nam Nữ
- Điện thoại liên hệ:Email:

Nội dung công việc tham gia tạo ra sáng kiến:

.....

2. Đồng tác giả thứ hai³:

- Họ và tên:
- Giới tính: Nam Nữ
- Điện thoại liên hệ: Email:.....
- Nội dung công việc tham gia tạo ra sáng kiến:

.....

.....

¹ Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến.
² Ghi tên sáng kiến.
³ Sắp xếp theo tỷ lệ % đóng góp tạo ra sáng kiến từ cao đến thấp.



3. Đồng tác giả thứ ba (nếu có) ³:

- Họ và tên:

- Giới tính: Nam Nữ

- Điện thoại liên hệ: Email:.....

- Nội dung công việc tham gia tạo ra sáng kiến:.....

.....
.....

Chúng tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong Báo cáo này là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

..... , ngày tháng...năm

Người nộp đơn

(Tác giả/Đồng tác giả ký và ghi rõ họ tên)

